

Số: 2482/ĐHCT
V/v đăng ký thông tin tuyển sinh
đại học, cao đẳng năm 2012

Cần Thơ, ngày 29 tháng 12 năm 2011

THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY NĂM 2012
(kèm theo công văn số 8273/BGDĐT-GDDH ngày 09/12/2011)

1. FILE THÔNG TIN ĐĂNG KÝ TUYỂN SINH ĐH, CĐ NĂM 2012 GỬI VỀ BỘ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ: TCT TTTS12.doc

Số TT	Tên trường, Ngành học	Ký hiệu trường	Mã ngành	Khối thi	Tổng chỉ tiêu	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ	TCT			7.200	- Tuyển sinh trong cả nước - Ngày và khối thi theo quy định của Bộ GD&ĐT. - Điểm xét tuyển theo ngành học
	Đường 3/2, Q.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ; ĐT: 0710 3831 156; 0710 3832 663; Fax: 0710 3838 474; Website: www.ctu.edu.vn					
A	Các ngành đào tạo đại học (sắp xếp theo mã ngành)				7.000	- Trong tổng số 7.000 chỉ tiêu đại học dành 560 chỉ tiêu đào tạo tại khu Hòa An – tỉnh Hậu giang.
1	Giáo dục Tiểu học		D140202	A, D₁	60	- Khối T: Điểm môn thi Năng khiếu TDTT phải đạt từ 10 trở lên sau khi nhân hệ số 2 mới được xét tuyển. (Thí sinh không thi sơ tuyển nhưng phải đảm bảo chiều cao và cân nặng theo quy định chung của ngành học TDTT: tối thiểu nam cao 1,65 m nặng 45 kg trở lên; nữ cao 1,55 m nặng 40 kg trở lên).
2	Giáo dục công dân		D140204	C	80	
3	Giáo dục thể chất		D140206	T	80	
4	Sư phạm Toán học (có 2 chuyên ngành: SP. Toán học và SP. Toán – Tin học)		D140209	A	120	
5	Sư phạm Vật lý (có 3 chuyên ngành: SP.Vật lý, SP.Vật lý-Tin học, SP.Vật lý-Công nghệ)		D140211	A	180	
6	Sư phạm Hóa học		D140212	A, B	60	- Đào tạo theo học chế tín chỉ, có cố vấn học tập riêng cho mỗi lớp chuyên ngành. Trường trang bị 1.000 máy tính công, sinh viên được sử dụng miễn phí 600 giờ máy tính trong suốt khóa học. Có cơ hội học và tốt nghiệp với 2 bằng đại học, và học tiếp các chương trình Thạc sĩ, Tiến sĩ.
7	Sư phạm Sinh học (có 2 chuyên ngành: SP.Sinh học, SP.Sinh-Kỹ thuật nông nghiệp)		D140213	B	120	
8	Sư phạm Ngữ văn		D140217	C	60	
9	Sư phạm Lịch sử		D140218	C	60	
10	Sư phạm Địa lý		D140219	C	60	- Đảm bảo nguồn tài liệu học tập.
11	Sư phạm Tiếng Anh		D140231	D₁	80	

Số TT	Tên trường, Ngành học	Ký hiệu trường	Mã ngành	Khối thi	Tổng chỉ tiêu	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
12	Sư phạm Tiếng Pháp		D140233	D ₁ , D ₃	40	<ul style="list-style-type: none"> - Số chỗ trong ký túc xá: 6.500. - Có nhiều học bổng dành cho sinh viên học giỏi. - Học phí: Theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Thủ tướng chính phủ quy định về việc miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2011-2015; Trường dự kiến thu học phí năm học 2012-2013: 140.000 đồng/tín chỉ đối với các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương; 140.000 đồng/tín chỉ hoặc 160.000 đồng/tín chỉ đối với các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành hoặc chuyên ngành tùy theo ngành đào tạo. - Đối với những mã ngành có nhiều chuyên ngành: sau khi trúng tuyển ngành chính, khi làm thủ tục nhập học thí sinh sẽ đăng ký chuyên ngành cụ thể; Trường căn cứ vào nguyện vọng của thí sinh, điểm trúng tuyển và chỉ tiêu để xét và xếp vào từng lớp chuyên ngành.
13	Việt Nam học (<i>chuyên ngành Hướng dẫn viên du lịch</i>)		D220113	C, D ₁	80	
14	Ngôn ngữ Anh (<i>có 2 chuyên ngành: Ngôn ngữ Anh, Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh</i>)		D220201	D ₁	160	
15	Ngôn ngữ Pháp		D220203	D ₁ , D ₃	40	
16	Văn học		D220330	C	80	
17	Kinh tế		D310101	A, D ₁	80	
18	Thông tin học		D320201	D ₁	60	
19	Quản trị kinh doanh		D340101	A, D ₁	120	
20	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành		D340103	A, D ₁	80	
21	Marketing		D340115	A, D ₁	80	
22	Kinh doanh quốc tế		D340120	A, D ₁	100	
23	Kinh doanh thương mại		D340121	A, D ₁	80	
24	Tài chính - Ngân hàng (<i>có 2 chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng, Tài chính doanh nghiệp</i>)		D340201	A, D ₁	200	
25	Kế toán		D340301	A, D ₁	90	
26	Kiểm toán		D340302	A, D ₁	90	
27	Luật (<i>có 3 chuyên ngành: Luật hành chính, Luật Tư pháp, Luật Thương mại</i>)		D380101	A, C	300	
28	Sinh học (<i>có 2 chuyên ngành: Sinh học, Vi sinh vật học</i>)		D420101	B	120	
29	Công nghệ sinh học		D420201	A, B	100	
30	Hóa học (<i>có 2 chuyên ngành: Hóa học, Hóa dược</i>)		D440112	A, B	160	
31	Khoa học môi trường		D440301	A, B	80	
32	Khoa học đất		D440306	B	60	
33	Toán ứng dụng		D460112	A	80	
34	Khoa học máy tính		D480101	A	80	
35	Truyền thông và mạng máy tính		D480102	A	80	
36	Kỹ thuật phần mềm		D480103	A	80	
37	Hệ thống thông tin		D480104	A	80	
38	Công nghệ thông tin (<i>chuyên ngành Tin học ứng dụng</i>)		D480201	A	80	
39	Quản lý công nghiệp		D510601	A	80	

Số TT	Tên trường, Ngành học	Ký hiệu trường	Mã ngành	Khối thi	Tổng chỉ tiêu	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
40	Kỹ thuật cơ khí (có 3 chuyên ngành: Cơ khí chế tạo máy, Cơ khí chế biến, Cơ khí giao thông)		D520103	A	240	
41	Kỹ thuật cơ - điện tử		D520114	A	80	
42	Kỹ thuật điện, điện tử (chuyên ngành Kỹ thuật điện)		D520201	A	90	
43	Kỹ thuật điện tử, truyền thông		D520207	A	70	
44	Kỹ thuật máy tính		D520214	A	70	
45	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		D520216	A	70	
46	Công nghệ kỹ thuật hóa học		D510401	A	80	
47	Kỹ thuật môi trường		D520320	A	70	
48	Công nghệ thực phẩm		D540101	A	80	
49	Công nghệ chế biến thủy sản		D540105	A	80	
50	Kỹ thuật công trình xây dựng (có 3 chuyên ngành: Xây dựng công trình thủy, Xây dựng dân dụng và công nghiệp, Xây dựng cầu đường)		D580201	A	240	
51	Chăn nuôi (có 2 chuyên ngành: Chăn nuôi-Thú y và Công nghệ giống vật nuôi)		D620105	B	160	
52	Nông học		D620109	B	80	
53	Khoa học cây trồng (có 3 chuyên ngành: Khoa học cây trồng; Công nghệ giống cây trồng và Nông nghiệp sạch)		D620110	B	240	
54	Bảo vệ thực vật		D620112	B	80	
55	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan		D620113	B	60	
56	Kinh tế nông nghiệp (có 2 chuyên ngành: Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế thủy sản)		D620115	A, D ₁	180	
57	Phát triển nông thôn		D620116	A, B	70	
58	Lâm sinh		D620205	B	60	
59	Nuôi trồng thủy sản (có 2 chuyên ngành: Nuôi trồng thủy sản, Nuôi và bảo tồn sinh vật biển)		D620301	B	160	
60	Bệnh học thủy sản		D620302	B	80	
61	Quản lý nguồn lợi thủy sản		D620305	A, B	60	
62	Thú y (có 2 chuyên ngành: Thú y và Dược thú y)		D640101	B	160	
63	Quản lý tài nguyên và môi trường		D850101	A, B	70	

Số TT	Tên trường, Ngành học	Ký hiệu trường	Mã ngành	Khối thi	Tổng chỉ tiêu	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
64	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên (<i>Kinh tế tài nguyên và môi trường</i>)		D850102	A, D ₁	80	
65	Quản lý đất đai		D850103	A	70	
	Đào tạo đại học tại khu Hòa An – tỉnh Hậu Giang					<ul style="list-style-type: none"> - Trong tổng số 7.000 chỉ tiêu đại học dành 560 chỉ tiêu đào tạo tại khu Hòa An – tỉnh Hậu Giang. - Thí sinh đăng ký dự thi các ngành đào tạo tại khu Hoà An, khi trúng tuyển sẽ được tổ chức học tại khu Hòa An – tỉnh Hậu Giang. - Khi điền Phiếu đăng ký dự thi vào những ngành đào tạo tại khu Hòa An, thí sinh viết thêm kế bên ô mã ngành dự thi “Học tại Hòa An” và ký tên bên cạnh để xác nhận đăng ký học tại Hòa An.
1	Ngôn ngữ Anh		D220201	D1	80	
2	Quản trị kinh doanh		D340101	A, D ₁	80	
3	Luật (<i>chuyên ngành Luật Hành chính</i>)		D380101	A, C	100	
4	Công nghệ thông tin (<i>chuyên ngành Tin học ứng dụng</i>)		D480201	A	80	
5	Kỹ thuật công trình xây dựng (<i>chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp</i>)		D580201	A	60	
6	Nông học (<i>chuyên ngành Kỹ thuật nông nghiệp</i>)		D620109	B	80	
7	Phát triển nông thôn (<i>chuyên ngành Khuyến nông</i>)		D620116	A, B	80	
B	Các ngành đào tạo cao đẳng				200	Xét tuyển từ kết quả thi đại học; Tuyển sinh trong cả nước. Có cơ hội học liên thông lên đại học tại trường Đại học Cần Thơ.
1	Công nghệ thông tin (<i>có 2 chuyên ngành: Kỹ thuật phần mềm, Công nghệ đa phương tiện</i>)		C480201	A	200	

2. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ:

- Đề nghị các trường không tổ chức thi, khi đã nhận Giấy chứng nhận kết quả thi và Phiếu báo điểm của trường tổ chức thi cần gửi cho thí sinh thông qua Sở Giáo dục và Đào tạo để tránh trường hợp thí sinh không nhận được Giấy chứng nhận kết quả thi hoặc Phiếu báo điểm.

- Đề nghị các Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh phân loại hồ sơ dự thi theo khối; sắp xếp hồ sơ theo thứ tự đúng như trong file gửi cho Trường.

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Vĩnh An - 0939 423 999

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Anh Tuấn (đã ký)

Nơi nhận:

-Vụ GDĐH-BGDĐT;

- Luv: VT, P.ĐT.